TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 9 - 2024
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vượng

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Trọng Lợi – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa***: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 165/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H T T H – Sinh năm 1990
Nơi cư trú: Xóm B Đ, xã H T, huyện N Đ, tỉnh N A.
Bị đơn: Anh Đ T – Sinh năm 1982
Nơi cư trú: Tổ 09, khu phố 3, TT T Kh, huyện H Q, tỉnh B P.
(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2024 quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H T T H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H T T H và anh Đ T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm năm 2011 và đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Khai (nay là thị trấn Tân Khai), huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H T T H yêu cầu được ly hôn với anh Đ T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đ H G B, sinh ngày 10/11/2012; T H Q, sinh ngày 11/01/2016. Vợ chồng không nhận ai

làm con nuôi. Hiện tại chị H không mang thai. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anhT cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, vì lý do công việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 21/08/2024 bị đơn anh Đ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời khai của chị H T T H về thời gian đăng ký kết hôn, nơi kết hôn và thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Nay chị H T T H làm đơn ly hôn thì anh Đ T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất với lời khai của chị H T T H về con chung. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đ H G B, sinh ngày 10/11/2012; T H Q, sinh ngày 11/01/2016. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Khi ly hôn anhT đồng ý cho chị H nuôi 02 con chung, anhT không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, vì lý do công việc anhT yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã xác định được vợ chồng chị H T T H, anh Đ T có mâu thuẫn, không thể hòa giải đoàn tụ và anhT cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H T T H đối với anh Đ T. Về con chung: Giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, anhT không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về tài sản: Không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với anh Đ T có nơi cư trú tại thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anhT là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị H T T H, anh Đ T là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Khai (nay là thị trấn Tân Khai), huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Chị H cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được và và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu ly hôn với anhT. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã hòa giải đoàn tụ cũng như cho thời gian mục đích vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. AnhT cũng thừa nhận: Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anhThắng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Như vậy có cơ sở xác định lời trình bày của chị H là đúng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra anhT cũng đồng ý ly hôn vì không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H T T H chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Đ T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đ H G B, sinh ngày 10/11/2012; T H Q, sinh ngày 11/01/2016
hiện tại đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung đang sống chung với chị H và anhT cũng đồng ý cho chị H nuôi 02 con chung, ngoài ra nguyện vọng của 02 con chung là sống với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung tên Đ H G B, sinh ngày 10/11/2012; T H Q, sinh ngày 11/01/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng con chung và quan điểm của anhT.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H chưa yêu cầu anhT cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Chị H T T H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chị H đã nộp.

[4] Tại phiên Tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử và nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị H T T H được ly hôn với anh Đ T.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 09/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Khai (nay là thị trấn Tân Khai), huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đ H G B, sinh ngày 10/11/2012; T H Q, sinh ngày 11/01/2016 cho chị H T T H trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H chưa yêu cầu anhT cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Chị H T T H chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005444 ngày 21/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Vượng Phạm Thị Thanh Hương

Đỗ Đình Thuyên